

**DANH SÁCH ĐIỂM SAU PHÚC KHẢO MÔN CHÍNH TRỊ
KỲ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 7/2015**

STT	Họ và tên	Lớp	SBD (CT)	Phách (CT)	Phòng thi	Điểm trước PK	Điểm sau PK	Số Điểm Lên	LT	TH	Điểm TBTN trước PK	Điểm TBTN sau PK	Kết quả TN sau PK	Ghi chú
1	Vương Phước Thịnh	DSTC 20D	316	340	GĐ6	7.00	8.00	1.0	6.5	9.5	7.7	8.0	Đạt	XHTN Khá lên Giỏi
2	Trần Thị Trinh	Hộ sinh 16	994	1005	C42	4.00	5.00	1.0	8.5	8.0	6.8	7.2	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN Khá
3	Lê Thị Diễm Phúc	ĐDTC 20A	412	433	GĐ7	4.00	4.50	0.5	6.0	7.5	5.8	6.0	Không đạt	
4	Phạm Minh Khen	DS VLVH 21B	1059	1064	C43	4.00	4.50	0.5						
5	Đặng Hùng Nam	DSTC 20F	376	398	GĐ6	3.50	4.00	0.5	5.0	5.0	4.5	4.7	Không đạt	
6	Lê Thị Linh Tâm	Hộ sinh 16	987	998	C42	3.00	3.50	0.5	6.5	6.5	5.3	5.5	Không đạt	
7	Nguyễn Tấn Nhựt	YS K.4D	665	682	C23	3.50	4.00	0.5	6.5	7.0	5.7	5.8	Không đạt	
8	Nguyễn Cao Tấn Lợi	YS K.DP6D	942	953	C41	5.00	5.50	0.5	6.5	5.0	5.5	5.7	Đạt	XHTN không đổi TB Khá
9	Đinh Ngọc Diễm Hằng	ĐDTC 20A	402	424	GĐ7	4.00	4.00	0.0	5.5	7.5	5.7	5.7	Không đạt	
10	Nguyễn Thị Ngọc Liễu	ĐDTC 20A	404	426	GĐ7	4.00	4.00	0.0	6.0	6.5	5.5	5.5	Không đạt	
11	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	ĐDTC 20A	421	442	GĐ7	7.50	7.50	0.0	5.5	7.5	6.8	6.8	Đạt	
12	Huỳnh Hoàng Anh Luân	ĐDTC 20C	476	496	C12	3.00	3.00	0.0	5.0	6.5	4.8	4.8	Không đạt	
13	Huỳnh Đình Minh Tân	ĐDTC 20C	483	503	C12	4.00	4.00	0.0	5.5	7.0	5.5	5.5	Không đạt	
14	Nguyễn Thị Hồng Phấn	ĐDTC 20D	498	518	C12	8.50	8.50	0.0	5.5	6.5	6.8	6.8	Đạt	
15	Phùng Thị Lệ Trinh	ĐDTC 20D	506	526	C13	8.00	8.00	0.0	6.5	6.0	6.8	6.8	Đạt	
16	Trần Thị Mỹ Châu	DS VLVH 21A	1002	1013	C42	3.50	3.50	0.0						
17	Phạm Thành Danh	DS VLVH 21A	1004	1015	C42	3.00	3.00	0.0						
18	Phạm Ngọc Hoài	DS VLVH 21A	1008	1019	C42	0.50	0.50	0.0						
19	Nguyễn Thị Thu Nga	DS VLVH 21A	1018	1028	C43	1.50	1.50	0.0						
20	Huỳnh Trần Huế Nga	DS VLVH 21A	1019	1029	C43	3.50	3.50	0.0						
21	Hoàng Bảo Ngọc	DS VLVH 21A	1022	1032	C43	3.00	3.00	0.0						

STT	Họ và tên		Lớp	SBD (CT)	Phách (CT)	Phòng thi	Điểm trước PK	Điểm sau PK	Số Điểm Lên	LT	TH	Điểm TBTN trước PK	Điểm TBTN sau PK	Kết quả TN sau PK	Ghi chú
22	Bùi Thị Phương	Quế	DS VLVH 21A	1028	1037	C43	2.50	2.50	0.0						
23	Nguyễn Thị Kim	Quyên	DS VLVH 21A	1029	1038	C43	4.00	4.00	0.0						
24	Lê Thị Mộng	Song	DS VLVH 21A	1031	1040	C43	4.00	4.00	0.0						
25	Nguyễn Vũ Thi	Thảo	DS VLVH 21A	1038	1044	C43	2.00	2.00	0.0						
26	Hồ Thị Phương	Thùy	DS VLVH 21A	1040	1046	C43	1.50	1.50	0.0						
27	Lê Minh	Trí	DS VLVH 21A	1043	1049	C43	3.00	3.00	0.0						
28	Nguyễn Văn	Hiệp	DS VLVH 21B	1054	1059	C43	1.50	1.50	0.0						
29	Hồ Thị	Hòa	DS VLVH 21B	1055	1060	C43	3.50	3.50	0.0						
30	Trần Thanh	Phong	DS VLVH 21B	1062	1067	C43	0.50	0.50	0.0						
31	Đoàn Thị Thùy	Trang	DSTC 20F	386	408	GD6	2.50	2.50	0.0	3.5	6.0	4.0	4.0	Không đạt	
32	Mai Nguyễn Thảo	Vy	DSTC 20F	393	415	GD6	2.50	2.50	0.0	4.5	4.5	3.8	3.8	Không đạt	
33	Trần Thị Ngọc	Hà	YS K.4A	552	572	C14	8.50	8.50	0.0	5.5	6.0	6.7	6.7	Đạt	
34	Đặng Thị Hồng	Nhung	YS K.4B	579	598	C15	3.00	3.00	0.0	6.0	6.5	5.2	5.2	Không đạt	
35	Nguyễn Thị Hồng	Hân	YS K.4C	644	661	C21	8.50	8.50	0.0	7.0	5.0	6.8	6.8	Đạt	
36	Lưu Trần Nhã	Trân	YS K.CT6A	720	735	C23	4.00	4.00	0.0	7.5	8.0	6.5	6.5	Không đạt	
37	Trần Thị	Trang	YS K.CT6A	721	736	C23	6.50	6.50	0.0	7.0	6.5	6.7	6.7	Đạt	
38	Dương Thành	Lộc	YS K.CT6B	738	753	C23	5.00	5.00	0.0	7.0	8.0	6.7	6.7	Đạt	
39	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YS K.CT6B	745	760	C23	7.00	7.00	0.0	7.0	6.5	6.8	6.8	Đạt	
40	Nguyễn Á	Phi	YS K.CT6B	747	762	C23	4.00	4.00	0.0	5.0	6.5	5.2	5.2	Không đạt	
41	Nguyễn Lê Minh	Trọng	YS K.CT6B	759	773	C23	4.00	4.00	0.0	5.5	5.0	4.8	4.8	Không đạt	
42	Nguyễn Lê Minh	Trường	YS K.CT6B	760	774	C23	4.00	4.00	0.0	5.0	5.5	4.8	4.8	Không đạt	
43	Nguyễn Hữu Thanh	Huyền	YS K.CT6C	785	799	C31	3.50	3.50	0.0	6.5	8.0	6.0	6.0	Không đạt	
44	Nguyễn Giảng Kim	Biển	YS K.DP6C	880	893	C33	8.00	8.00	0.0	7.0	6.0	7.0	7.0	Đạt	

Số học sinh không lên điểm sau phúc khảo: 36 hs

Số học sinh lên 0.5 điểm sau phúc khảo: 06 hs

Số học sinh lên 1.0 điểm sau phúc khảo: 02 hs

Tiền Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2015

P. PHÒNG ĐÀO TẠO - NKCH

BS. Trần Chanh Hải

**DANH SÁCH ĐIỂM SAU PHÚC KHÁO MÔN LTTH
KỶ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 7/2015**

ST T	Họ và tên	Lớp	SBD	Phách	Phòng thi	Điểm Trước PK	Điểm Sau PK	Số Điểm Lên	Tự luận	PK (TL)	Trắc nghiệm	T H N N	CT	Điểm TBTN trước PK	Điểm TBT N sau PK	Kết quả TN sau PK	Ghi chú
1	Lê Thị Cẩm Nhung	DSTC 20A	188	214	P4	6.0	7.0	1.0	1.00	2.000	5.00	8.0	M	7.0	7.5	Đạt	XHTN không đổi Khá
2	Phạm Đình Quốc	YS K.4B	508	531	P10	4.5	5.0	0.5	1.25	1.500	3.40	5.5	6.5	5.5	5.7	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
3	Vương Phước Thịnh	DSTC 20D	320	346	P5	6.5	7.0	0.5	1.00	1.250	5.70	9.5	8.0	8.0	8.2	Đạt	CT 7 lên 8 XHTN Khá lên Giỏi
4	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	DSTC 20D	323	349	P5	4.5	5.0	0.5	0.75	1.000	3.90	6.0	8.5	6.3	6.5	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
5	Đào Thị Trúc Linh	DSTC 20E	338	364	P6	4.5	5.0	0.5	0.75	1.000	3.90	6.0	7.0	5.8	6.0	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
6	Văn Thị Thủy Tiên	DSTC 20E	359	385	P6	4.0	4.5	0.5	0.75	1.000	3.40	7.5	7.5	6.3	6.5	Không đạt	
7	Dương Thành Lộc	YS K.CT6B	673	695	P14	6.0	6.5	0.5	0.63	0.750	5.50	8.0	5.0	6.3	6.5	Đạt	XHTN không đổi TBK
8	Trần Quốc Chiêu	DSTC 20A	170	196	P4	4.5	5.0	0.5	0.50	0.750	4.10	6.5	8.0	6.3	6.5	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
9	Trần Thị Như Hiền	DSTC 20A	174	200	P4	4.5	5.0	0.5	0.50	0.750	4.00	7.5	M	6.0	6.3	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK

ST T	Họ và tên	Lớp	SBD	Phách	Phòng thi	Điểm Trước PK	Điểm Sau PK	Số Điểm Lên	Tự luận	PK (TL)	Trắc nghiệm	T H N N	CT	Điểm TBTN trước PK	Điểm TBT N sau PK	Kết quả TN sau PK	Ghi chú
10	Trần Thị Thảo Nguyễn	DSTC 20A	185	211	P4	4.5	5.0	0.5	0.50	0.750	4.20	5.0	7.0	5.5	5.7	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
11	Nguyễn Trần Thu Tuyền	DSTC 20A	211	237	P4	4.5	5.0	0.5	0.50	1.000	4.10	6.5	9.0	6.7	6.8	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
12	Nguyễn Thị Hoài Thương	DSTC 20B	245	271	P4	4.5	5.0	0.5	0.50	0.750	4.10	5.0	8.0	5.8	6.0	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
13	Nguyễn Thị Duy Phương	DSTC 20E	352	378	P6	4.5	5.0	0.5	0.50	1.000	3.80	5.5	7.0	5.7	5.8	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
14	Dương Thị Thanh Tuyền	DSTC 20E	364	390	P6	4.5	5.0	0.5	0.50	1.000	3.90	5.0	5.5	5.0	5.2	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TB
15	Trương Phạm Kim Cương	DSTC 20F	369	395	P6	4.5	5.0	0.5	0.50	0.750	4.20	6.5	8.5	6.5	6.7	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
16	Huỳnh Thị Mỹ Hòa	DSTC 20F	375	401	P6	4.5	5.0	0.5	0.50	0.750	4.20	6.5	M	5.5	5.8	Đạt	Không đạt thành đạt, XHTN TBK
17	Phan Thị Thanh Trúc	CĐDD 5C	134	160	P3	7.5	7.5	0.0	2.50	2.500	5.00	9.0	7.0	7.96	7.96	Đạt	
18	Lê Thị Diễm My	YS K.CT6A	648	670	P13	7.0	7.0	0.0	2.00	2.000	5.00	8.0	9.5	8.2	8.2	Đạt	
19	Nguyễn Thị Phươg Quyên	YS K.DP6C	831	853	P17	6.5	6.5	0.0	2.00	2.000	4.50	5.5	8.5	6.8	6.8	Đạt	XHTN không đổi TB Khá
20	Phùng Thị Lệ Trinh	ĐDTC 20D	1020	1041	P21	6.5	6.5	0.0	1.75	1.750	4.80	6.0	8.0	6.8	6.8	Đạt	
21	Nguyễn Thị Hồng Hân	YS K.4C	569	591	P12	7.0	7.0	0.0	1.50	1.500	5.40	5.0	8.5	6.8	6.8	Đạt	
22	Lê Thanh Lan	YS K.CT6A	643	665	P13	7.0	7.0	0.0	1.50	1.625	5.40	6.0	M	6.5	6.5	Đạt	
23	Nguyễn Giảng Kin Biền	YS K.DP6C	812	834	P17	7.0	7.0	0.0	1.50	1.500	5.50	6.0	8.0	7.0	7.0	Đạt	
24	Nguyễn Thị Hồng Nhung	YS K.CT6B	680	702	P14	7.0	7.0	0.0	1.38	1.375	5.70	6.5	7.0	6.8	6.8	Đạt	

ST T	Họ và tên	Lớp	SBD	Phách	Phòng thi	Điểm Trước PK	Điểm Sau PK	Số Điểm Lên	Tự luận	PK (TL)	Trắc nghiệm	T H N N	CT	Điểm TBTN trước PK	Điểm TBT N sau PK	Kết quả TN sau PK	Ghi chú
25	Nguyễn Thị Hồng Phấn	ĐDTC 20D	1012	1033	P20	5.5	5.5	0.0	1.00	1.000	4.40	6.5	8.5	6.8	6.8	Đạt	
26	Hồng Thị Phương Thùy	DSTC 20F	388	414	P7	4.5	4.5	0.0	1.00	1.000	3.70	5.5	6.0	5.3	5.3	Không đạt	
27	Trần Thị Ngọc Hà	YS K.4A	477	500	P9	5.5	5.5	0.0	1.00	1.000	4.70	6.0	8.5	6.7	6.7	Đạt	
28	Nguyễn Nhựt Huy	YS K.4D	609	631	P13	4.5	4.5	0.0	1.00	1.000	3.30	6.5	6.0	5.7	5.7	Không đạt	
29	Lê Hữu Lộc	YS K.4D	611	633	P13	4.5	4.5	0.0	1.00	0.625	3.70	5.0	M	4.8	4.8	Không đạt	
30	Nguyễn Xuân Nguyên	YS K.CT6B	677	699	P14	4.5	4.5	0.0	0.88	1.000	3.50	4.5	6.5	5.2	5.2	Không đạt	
31	Đoàn Bảo Trâm	DSTC 20A	208	234	P4	4.5	4.5	0.0	0.75	1.000	3.70	7.5	8.5	6.8	6.8	Không đạt	
32	Huỳnh Ngọc Ánh	DSTC 20C	260	286	P4	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.60	4.5	9.0	6.0	6.0	Không đạt	
33	Võ Thị Thùy Vững	DSTC 20C	293	319	P5	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.60	6.0	8.5	6.3	6.3	Không đạt	
34	Phan Thị Diễm Thúy	DSTC 20D	322	348	P5	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.80	5.5	5.5	5.2	5.2	Không đạt	
35	Lê Chí Trung	DSTC 20D	325	351	P5	4.5	4.5	0.0	0.75	0.875	3.70	5.5	8.0	6.0	6.0	Không đạt	
36	Lê Thanh Thúy Vy	DSTC 20D	327	353	P5	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.90	6.0	7.0	5.8	5.8	Không đạt	
37	Nguyễn Thị Thanh Liễu	DSTC 20E	337	363	P6	4.5	4.5	0.0	0.75	1.000	3.60	5.5	7.5	5.8	5.8	Không đạt	
38	Lê Thị Kim Ngân	DSTC 20E	342	368	P6	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.60	4.0	7.5	5.3	5.3	Không đạt	
39	Nguyễn Thị Thúy Ngân	DSTC 20E	344	370	P6	4.5	4.5	0.0	0.75	0.875	3.80	5.0	7.0	5.5	5.5	Không đạt	
40	Phan Minh Tuấn	DSTC 20E	363	389	P6	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.90	5.0	7.0	5.5	5.5	Không đạt	
41	Võ Thị Thu Hà	DSTC 20F	372	398	P6	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.70	5.5	7.5	5.8	5.8	Không đạt	
42	Lê Thị Quỳnh Như	DSTC 20F	383	409	P7	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.90	5.0	7.5	5.7	5.7	Không đạt	
43	Nguyễn Ngọc Thi	DSTC 20F	385	411	P7	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.90	7.0	7.0	6.2	6.2	Không đạt	
44	Nguyễn Thị Mai Trâm	DSTC 20F	389	415	P7	4.5	4.5	0.0	0.75	0.750	3.90	6.5	7.5	6.2	6.2	Không đạt	
45	Bùi Phạm Thu Hà	DS VLVH 20B	422	447	P7	4.0	4.0	0.0	0.50	0.500	3.60	4.5	7.5	5.3	5.3	Không đạt	
46	Đoàn Minh Phụng	DSTC 19A	403	429	P7	4.0	4.0	0.0	0.50	0.500	3.60	5.5	7.5	5.7	5.7	Không đạt	
47	Ngô Phú Kim Tuyền	DSTC 19D	413	438	P7	4.0	4.0	0.0	0.50	0.500	3.60	5.0	5.0	4.7	4.7	Không đạt	
48	Nguyễn Thị Ngọc Linh	DSTC 20B	225	251	P4	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.00	5.5	5.0	5.0	5.0	Không đạt	
49	Võ Thị Minh Thy	DSTC 20B	246	272	P4	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.00	5.0	9.0	6.2	6.2	Không đạt	
50	Trần Thị Lan Anh	DSTC 20C	258	284	P4	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.20	7.5	9.0	7.0	7.0	Không đạt	
51	Triệu Văn Vĩnh Lợi	DSTC 20C	272	298	P5	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.20	5.5	6.0	5.3	5.3	Không đạt	
52	Nguyễn Thanh Thảo	DSTC 20C	282	308	P5	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.00	5.0	6.0	5.2	5.2	Không đạt	
53	Võ Thị Thùy My	DSTC 20D	314	340	P5	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.20	6.0	7.5	6.0	6.0	Không đạt	
54	Trần Thị Hồng Nhung	DSTC 20E	349	375	P6	4.5	4.5	0.0	0.50	0.750	3.90	6.0	8.0	6.2	6.2	Không đạt	

ST T	Họ và tên		Lớp	SBD	Phách	Phòng thi	Điểm Trước PK	Điểm Sau PK	Số Điểm Lên	Tự luận	PK (TL)	Trắc nghiệm	T H N N	CT	Điểm TBTN trước PK	Điểm TBTN sau PK	Kết quả TN sau PK	Ghi chú
55	Lê Thị Ngọc	Thắm	DSTC 20E	354	380	P6	4.5	4.5	0.0	0.50	0.625	3.90	6.5	6.5	5.8	5.8	Không đạt	
56	Trần Thị Thi	Thi	DSTC 20E	355	381	P6	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.00	5.5	7.0	5.7	5.7	Không đạt	
57	Dương Thị Cẩm	Thúy	DSTC 20E	357	383	P6	4.5	4.5	0.0	0.50	0.625	4.10	6.5	M	5.5	5.5	Không đạt	
58	Võ Thái	Bình	DSTC 20F	368	394	P6	4.5	4.5	0.0	0.50	0.625	4.00	5.0	M	4.8	4.8	Không đạt	
59	Đoàn Thị Thủy	Trang	DSTC 20F	391	417	P7	3.5	3.5	0.0	0.50	0.500	3.20	6.0	2.5	4.0	4.0	Không đạt	
60	Phạm Nguyễn Đức Thịnh		YS K.DP6A	765	787	P16	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.10	6.0	6.0	5.5	5.5	Không đạt	
61	Bùi Ngọc	Sơn	YS K.DP6B	796	818	P16	4.5	4.5	0.0	0.50	0.500	4.20	6.0	7.0	5.8	5.8	Không đạt	
62	Lê Thanh	Hà	DS VLVH 18B	415	440	P7	4.0	4.0	0.0	0.25	0.370	3.50	5.0	9.5	6.2	6.2	Không đạt	
63	Vũ Ngọc Phương	Nhi	DSTC 20B	237	263	P4	4.0	4.0	0.0	0.25	0.250	3.90	6.5	8.0	6.2	6.2	Không đạt	
64	Trần Thị Thủy	Tiên	DSTC 20B	249	275	P4	4.0	4.0	0.0	0.25	0.375	3.80	5.5	9.0	6.2	6.2	Không đạt	
65	Phạm Kim	Lân	DSTC 20F	376	402	P6	4.0	4.0	0.0	0.25	0.250	3.80	4.5	5.5	4.7	4.7	Không đạt	
66	Hồ Thị Thiên	Trang	DSTC 20F	392	418	P7	4.5	4.5	0.0	0.25	0.370	4.10	6.0	8.0	6.2	6.2	Không đạt	
67	Trần Thị	Chờ	DSVLVH 20B		446		4	4.0	0.0	0.25	0.375	3.70						

Số học sinh không lên điểm sau phúc khảo: 51 hs

Số học sinh lên 0.5 điểm sau phúc khảo: 15 hs

Số học sinh lên 1.0 điểm sau phúc khảo: 01 hs

Tiền Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2015

PHÒNG ĐÀO TẠO - NKCH

BS. Trần Thanh Hải